

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM PHỔ MÔN - BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM
Tập 9

Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Cảnh Mỹ, [Đài Bắc], Đài Loan

Bài giảng thứ bảy - Tháng 12 năm 1983

Số lưu trữ: 08-004-0009

Hòa Thượng Tịnh Không chủ giảng

(Nguyễn Minh Tiến dịch)

Mời quý vị mở [sách Pháp Hoa Kinh Đại Thành, quyển hạ], trang 823. Đây là đoạn lớn thứ ba: “Phật trả lời, khuyên trì niệm danh hiệu.”

“Này Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm có sức thần như vậy; chúng sanh cung kính lễ bái, phước đức không hề luống mất. Vì thế chúng sinh đều nên thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.”

Ở đây, đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni dạy chúng ta phương pháp tu học, quan trọng nhất là phải thọ trì bằng cả ba nghiệp. Đây mới là tu học pháp môn không phân biệt. Trong kinh văn nói rất rõ, “Cung kính” chính là thọ trì bằng ý nghiệp, trong tâm ý phải luôn giữ sự cung kính, chính là trì niệm bằng ý như đã nói ở trước. “Lễ bái” là thân nghiệp, cung kính là ý nghiệp, lễ bái là thân nghiệp. “Thọ trì” là nói về khẩu nghiệp, chính là “nhất tâm xưng danh”. Tu học như vậy thì “phước đức không hề luống mất”. Thế nào là luống mất? Trong chú giải có nói, chúng ta hãy xem phần chú giải.

“Tâm kính, thân lễ, phước đức đạt được rất ráo không cùng tận, nên nói là phước chẳng luống mất.”

“Luống mất” là thuật ngữ thời xưa của Trung quốc, ý nghĩa là không uổng phí, không trôi qua vô ích, “nghĩa là phước đức không trôi qua vô ích, mà đạt được lợi ích chân thật”. Điều chúng ta cần chú ý nhất ở đây chính là cung kính, hoặc là tâm cung kính. Như thế nào mới gọi là kính, tiêu chuẩn của kính là gì, đây là điều chúng ta nhất định phải biết. Chữ “kính” chính là nhất tâm đã nói ở trước. Nhất tâm chính là cung kính, tâm lăng xăng tán loạn thì không cung kính, ý nghĩa của cung kính liền mất đi. Vì vậy, với chữ kính này chúng ta thường nói thêm là thành kính. Chữ “thành” cũng chính là nhất tâm. Trước đây Tăng Quốc Phiên trong bút ký của mình có chú giải chữ thành này, ông chú giải rất hay. Ông nói “không sinh ra một ý niệm nào” gọi là thành. Ý này giống với Lục tổ nói “xưa

nay không một vật”. Như vậy gọi là thành. Thành cũng chính là kính, có thể thấy đây là then chốt của sự tu học. Trong lòng phải giữ sự nhất tâm, thân lễ bái, miệng niệm danh hiệu. Phải tu học như vậy.

Cương lĩnh tu học này, không chỉ là tu Pháp môn Quán Âm, mà tu bất kỳ pháp môn nào cũng không thể rời nguyên tắc này. Người niệm Phật nếu không hiểu nguyên tắc này, dù một ngày niệm trăm ngàn câu Phật hiệu cũng không thể đạt nhất tâm, cũng không có cảm ứng. Người trì chú không hiểu nguyên tắc này, thần chú của họ sẽ không linh nghiệm. Không chỉ là trong Phật giáo, ngay cả trong pháp thế gian cũng phải xem trọng nguyên tắc này, được gọi là “thành tắc linh”. Quý vị xem như ngoại đạo vẽ bùa, niệm chú, tại sao họ niệm chú, vừa gia trì là linh nghiệm? Chúng ta cũng biết niệm, tại sao niệm chú đó lại không linh nghiệm? Câu chú đều giống nhau, cách phát âm giống nhau, tại sao họ linh nghiệm mà chúng ta không linh nghiệm? Vì họ biết bí quyết này. Khi họ niệm chú, trong tâm không sinh ra một niệm nào khác, không một vọng niệm, câu chú đó sẽ linh nghiệm. Khi họ vẽ bùa, từ nét bút đầu tiên cho đến khi vẽ xong một đạo bùa, trong tâm cũng không sinh ra một niệm nào khác, đạo bùa đó sẽ linh nghiệm. Bùa, chú có linh nghiệm là do ý nghĩa này. Nếu tự chúng ta đạt nhất tâm bất loạn, các vị thử nghĩ xem, còn cần bùa chú gì nữa? Không cần thiết nữa. Nhất định phải hiểu ý nghĩa này.

Chú phải niệm cho thuần thực, vẽ bùa cũng phải vẽ cho thật thuần thực, khi vẽ mới không khởi tâm động niệm. Bằng không, vẽ không thuần thực, vẽ không đúng, chỗ này sai phải sửa một chút, tâm liền động niệm, thế là không linh nghiệm. Vì vậy, nhất định phải thuần thực.

Từ đó có thể biết, khi trì chú thì chú càng ngắn càng hay, tại sao? Vì dễ nhiếp tâm. Như chú Lăng Nghiêm dài như vậy, từ đầu đến cuối niệm một lần phải mất mấy phút, khó tránh khỏi khởi tâm động niệm, xen tạp, chú Lăng Nghiêm đó sẽ không linh nghiệm. Chú vốn rất linh, nhưng vì khi niệm tâm không chuyên nhất sẽ khởi vọng niệm. Chú Đại Bi so với chú Lăng Nghiêm ngắn hơn nhiều, nhưng cũng có 84 câu, cũng không dễ trong lúc niệm mà không bị xen tạp, vì vậy cũng không dễ dàng. Các vị biết nguyên tắc này, biết nguyên lý này, hãy xem một câu Phật hiệu sáu chữ “Nam-mô A-di-đà Phật”, trong lúc niệm từ chữ “Nam” đến chữ “Phật” không khởi một vọng niệm, câu Phật hiệu này sẽ linh nghiệm, so với Thần chú Lăng Nghiêm không khác gì nhau. Vì vậy, càng đơn giản càng hay, tuyệt đối đừng tham nhiều.

Khi Đại sư Liên Trì còn tại thế, các vị xem trong bút ký “Trúc song tùy bút” của ngài có ghi chép. Đã từng có người thỉnh giáo ngài về việc niệm Phật như thế nào. Ngài dạy người ta niệm “Nam-mô A-di-đà Phật”, niệm sáu chữ. Lại hỏi, ngài niệm như thế nào? Ngài nói, tôi niệm “A-di-đà Phật”, tôi niệm bốn chữ. Bốn chữ so với sáu chữ lại càng đơn giản hơn, càng tinh giản càng có lợi ích. Thế là người ta hỏi ngài, ý nghĩa là gì? Vì sao dạy người khác niệm sáu chữ, còn mình niệm bốn chữ? Ngài liền giải thích, người khác chưa chắc đã thật phát tâm vãng sanh, tại sao? Vì họ ở thế gian này còn rất nhiều thứ không buông xuống được, miệng nói cầu sanh Tây phương Tịnh độ, chưa chắc đã thật sự muốn đi. Ngài thấu rõ tâm lý của mọi người. Còn bản thân mình thật sự cầu vãng sanh Tây phương Cực Lạc, hai chữ Nam-mô phía trước là lời khách sáo, không cần nữa, trong kinh chỉ nói “chấp trì danh hiệu”, danh hiệu chính là A-di-đà Phật, trong danh hiệu không có Nam-mô. Nam mô là cung kính, quy y, niệm sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật, chính là quy y A-di-đà Phật, cung kính A-di-đà Phật, những chữ đó đều không cần thiết, không cần thêm vào. Giống như khi chúng ta hồi hướng, “nhất tâm đánh lễ”, nhất tâm đánh lễ đó không cần thiết, đó là khách sáo, không cần dùng. Vì vậy nói bốn chữ, dễ nhiếp tâm. Từ đó có thể thấy, tâm thật sự chuyên nhất rồi, ý nghĩa đã hiểu rõ, không còn nghi ngờ, vậy thì càng tinh giản càng hay, càng được lợi ích.

Lúc ban đầu, tại sao lại bảo các vị, các Tổ sư, đại đức dạy bảo các vị tụng kinh luận Đại thừa, đọc nhiều như vậy là tại sao? Chính là vì vọng niệm trong tâm quý vị không dứt được. Chúng ta chỉ một câu Phật hiệu A-di-đà Phật. Câu Phật hiệu này quý vị niệm khoảng năm phút, e rằng trong đó đã có nhiều vọng tưởng xen vào. Thế là câu Phật hiệu cũng không linh nghiệm nữa, vọng tưởng quá nhiều, muốn hàng phục cũng không nổi. Vì vậy, lúc sơ học bảo quý vị tụng thuộc các bộ kinh lớn, chủ yếu là để hàng phục vọng tưởng. Vì một câu Phật hiệu trong lúc đó xen tạp vọng tưởng, bản thân quý vị thậm chí không thể tự nhận ra. Còn tụng thuộc một bộ kinh, trong lúc đó khởi một vọng tưởng, tụng không ra, rơi mất một chữ, câu văn đọc đảo lộn, đọc sai, lập tức sẽ phát hiện. Vì vậy, tụng thuộc kinh điển, quý vị phải biết, đó chính là tu hành. Trong các buổi giảng, tôi đã nói điều này rất nhiều lần. Tu hành là tu những gì? Tu giới, định, tuệ. Phương pháp tụng thuộc lòng này là giới định tuệ đồng thời hoàn thành.

Giới luật dạy rằng: “Không làm các việc ác, vâng làm các việc lành.” Không làm việc ác là giới Tiểu thừa; vâng làm việc lành là giới Đại thừa. Khi chúng ta nhất tâm tụng thuộc lòng kinh điển, trong tâm sẽ không nghĩ điều gì ác, đó chẳng

phải là không làm việc ác rồi sao? Không chỉ thân, khẩu không tạo việc ác, mà tâm cũng không có niệm ác, nên giới Tiểu thừa đã đầy đủ trong đó. Kinh là từ trí tuệ Bát-nhã trong tâm tánh của Phật lưu xuất ra, là việc lành trong các việc lành. Vì vậy chúng ta tụng thuộc kinh điển chính là vâng làm việc lành, có thể thấy giới cũng bao gồm trong đó.

Tụng thuộc lòng phải chuyên tâm, không chuyên tâm sẽ tụng sai, sẽ tụng sót. Chuyên tâm chính là tu định. Khi tụng thuộc, từ “như thị ngã văn” cho đến “tín thọ phụng hành”, một bộ kinh lớn như vậy, từng chữ rõ ràng, không đọc sai, không đọc đảo lộn, đây chính là tuệ. Tuệ là rõ ràng phân biệt sáng suốt. Vì vậy, mục đích của tụng thuộc lòng kinh điển là giới định tuệ, ba môn học đồng thời hoàn thành. Không phải bảo các vị ghi nhớ, không phải bảo các vị nghiên cứu, một khi nghiên cứu là hỏng rồi, xin thưa với quý vị, giới định tuệ đều không còn. Đây là tu căn bản trí, không phải bảo các vị nghiên cứu, mà dùng phương pháp này để đồng thời tu thành ba môn học. Công đức lợi ích của nó không thể nghĩ bàn.

Các vị vừa đọc tụng, vừa suy nghĩ “chỗ này rất có ý nghĩa”. Đó là gì? Thế là hỏng rồi. Đó là cách đọc tụng của người thế gian, biến thành học thuật thế gian, không phải là Phật pháp. Trong Phật pháp, đây là cầu căn bản trí. Trong đời sống thường ngày, giới định tuệ có thứ lớp, có viên dung. Khi đọc tụng kinh luận, giới định tuệ là viên dung, không phải thứ lớp, tức là đồng thời hoàn thành. Như vậy gọi là tu hành.

Vì vậy, trong sự tu hành thì đọc tụng kinh điển là một pháp môn. Nhưng các vị phải biết cách đọc tụng. Nếu không biết sẽ hoàn toàn rơi vào thế gian pháp, như vậy thật đáng tiếc. Người mới học đọc tụng những bộ kinh lớn có rất nhiều lợi ích. Đợi đến khi tự mình thành tựu giới định tuệ, đạt được Căn bản trí rồi thì lại học trì danh, giống như Đại sư Liên Trì, suốt ngày chỉ một câu A-di-đà Phật.

Các bậc đại đức xưa nay rất nhiều người chỉ trì niệm một câu A-di-đà, không tụng kinh, không lễ Phật, không trì chú, không gì khác cả, chỉ một câu Phật hiệu. Mỗi ngày trăm ngàn câu Phật hiệu. Hiện nay, chúng ta niệm Phật, trước tiên còn tán tụng, còn phải tụng một quyển kinh A-di-đà. Đó là vì nguyên nhân gì? Đó là để nhiếp tâm. Tâm tán loạn, niệm một bộ kinh thì tâm an định lại. Phải dùng tâm an định, tâm thanh tịnh để trì danh thì mới có công đức, mới có tác dụng. Vì vậy, công phu nằm ở chỗ trì danh, không phải ở chỗ tụng kinh. Tụng kinh chỉ có tác dụng nhiếp tâm, không có tác dụng nào khác, đây là điều các vị nhất định phải

biết. Nếu tự tâm địa thanh tịnh, không tán loạn, tụng kinh hay không cũng không quan trọng. Khi tâm tán loạn, tụng một bộ kinh để thu nhiếp tâm. Các bậc đại đức xưa nay tâm thường trong định, căn bản không có tán loạn, vì vậy các vị không cần tụng kinh, chỉ cần trì danh hiệu Phật là được.

Việc trì chú, đặc biệt là người có duyên với Bồ Tát Quán Thế Âm, nhiều nhất thường là chọn trì chú Lục tự đại minh.¹ Thần chú này chỉ có sáu chữ đơn giản, càng đơn giản càng có hiệu quả. Hiệu quả được kiểm chứng từ đâu? Từ sát-na cuối cùng lúc lâm chung. Trước đây, Lý lão sư ở Đài Trung có nói với tôi, lúc lâm chung là thời khắc then chốt để vãng sanh, là thời khắc then chốt của luân hồi và vãng sanh. Nếu các vị thọ trì chú Lăng Nghiêm, các vị thử nghĩ xem, chú Lăng Nghiêm dài như vậy, nếu trong lúc đó khởi một vọng tưởng, đến lúc không hiệu quả thì lại đọa lạc. Lúc này chính là càng đơn giản càng hay, dẫn các vị đi vào chánh đạo. Vì vậy, sáu chữ không bằng bốn chữ, trong lúc này các vị sẽ thấy tác dụng của nó. Những thiên đại luận đã dài lại nhiều, đến lúc đó đều thấy rắc rối. Tại sao? Vì sợ không kịp nữa, [không dễ dàng như] một câu A-di-đà Phật thật đơn giản. Lúc này là thời khắc then chốt, thời khắc khẩn thiết, vì vậy câu Phật hiệu này phải niệm cho thật thuần thực.

Đương nhiên chúng ta càng phải coi trọng sự huân tập bình thường. Bình thường có thể niệm đến nhất tâm, hoặc niệm đến công phu thành phẩm. Trong công phu thành phẩm cũng có rất nhiều sai biệt bất đồng, gọi là “ba bậc chín phẩm”. Công phu thành phẩm có thượng phẩm thành phẩm, trung phẩm thành phẩm, hạ phẩm thành phẩm. Người đạt thượng phẩm thành phẩm có thể tự tại sanh tử, lúc nào muốn đi thì có thể đi, muốn ở lại vài năm cũng có thể ở lại thêm vài năm. Nhất tâm thì không cần phải nói, vì công phu thành phẩm đã có thể tự tại sanh tử. Trung phẩm công phu thành phẩm có thể biết trước giờ ra đi. Thượng phẩm thì có thể tự tại sanh tử, thật sự là phước chẳng lường mất.

Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm cầu sanh Tịnh độ, so với niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh độ không khác gì nhau. Bồ Tát Quán Thế Âm với Phật A-di-đà đều là một nhà, quyết định có hiệu quả như nhau. Vì vậy, ở đây chúng ta đừng nên nghi ngờ. Vì có một số đồng tu nói với tôi, bình thường họ niệm A-di-đà Phật, mấy hôm nay tham dự Quán Âm thất, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm niệm rồi lại niệm thành A-di-đà Phật, trong tâm họ sanh phiền não, họ hỏi: “Làm sao đây? Có sao không?” Tôi bảo họ không sao. Bình thường niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, khi

¹ Tức Lục tự đại minh chân ngôn, gồm 6 chữ: “Án ma ni bát di hồng.”

tham gia Phật thất niệm niệm [một lúc] rồi lại niệm thành Bồ Tát Quán Thế Âm. Bình thường niệm Bồ Tát Quán Thế Âm rất thuần thực thì có chuyện này. Người niệm Phật rất thuần thực, khi tham gia Quán Âm thất, thì thường niệm A-di-đà Phật xen vào. Nhưng nói chung, đã là cầu sanh Tịnh độ, chúng ta lấy niệm Phật làm chính. Gia trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyên tắc đều giống nhau, nhất định phải nhất tâm xưng niệm, đó là có cầu nguyện đặc biệt, cầu tiêu tai giải nạn, cầu nguyện đặc biệt. Không chỉ vì bản thân cầu nguyện, mà phải vì tất cả chúng sanh đang khổ nạn mà cầu nguyện, đây chính là đại từ đại bi. Chúng ta niệm A-di-đà Phật là tự lợi, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm là lợi tha. Tự mình thực hành và giáo hóa chúng sanh mới là đạo Bồ Tát.

Phần tiếp theo nói, “phần nói nhân duyên Bồ Tát được danh hiệu Quán Thế Âm, oai lực rộng lớn”, oai đức thần lực không thể nghĩ bàn, “đã không luận về hình hài thể chất, chỉ nêu danh hiệu và nói công đức, nếu muốn quy ngưỡng sùng kính thì nên tụng trì danh hiệu, nên nêu việc trì danh để khuyến khích”.

Hình hài thể chất chính là nói hình tướng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Vì vậy có nhiều người hỏi, Bồ Tát Quán Thế Âm rốt cuộc là nam hay nữ? Chúng ta xem Bồ Tát Quán Thế Âm Biến tướng đồ có đến mấy trăm loại. Trong kinh không phải đã nói rất rõ ràng sao? Ba mươi hai ứng thân, đoạn dưới chúng ta sẽ đọc đến. Nên dùng thân Phật để chúng sanh được hóa độ, Ngài liền hiện thân Phật. Thân Phật đều là tướng nam, không thấy thân Phật là tướng nữ, không có. Trong thân Bồ Tát có tướng nữ, trong thân Phật đều là tướng nam. Bồ Tát đã có thể thị hiện thân Phật để độ chúng sanh, Phật lại hiện tướng nam. Người Trung quốc chúng ta quen tạc tượng Quán Âm đều là tướng nữ, hình tượng này in sâu vào trong đầu óc chúng ta. Vì vậy, vừa nhắc đến Bồ Tát Quán Âm thì nhất định cho là tướng nữ, nhất định là Bạch Y Quán Âm, liền cho rằng những tướng này mới là Bồ Tát Quán Âm. Nếu là một hình tượng khác thì cho là không giống Bồ Tát Quán Âm. Đây là cách nhận biết sai lầm của phàm phu chúng ta. Kỳ thực, Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân đồng loại với tất cả chúng sanh. Tướng thật vốn có xưa nay là gì? Tướng thật xưa nay vốn là không có tướng, không tướng nhưng có thể hiện ra tất cả tướng; không có gì là tướng mà không có gì không phải tướng. Vì vậy, chúng ta chỉ nên xưng danh là được, biết công đức của ngài đối với chúng sanh có lợi ích bất khả tư nghị là được. Đừng bám chấp hình tướng, chỉ nên trì niệm danh hiệu. Vì vậy, đức Phật ở kinh này khuyên chúng ta trì niệm danh hiệu. Đoạn dưới đây là so lường, tức là so sánh, suy lường [công đức], có ý nghĩa so sánh.

“Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh hiệu các Bồ Tát nhiều như số cát sáu mươi hai ức sông Hằng...”

Con số này quá lớn. Đức Phật thuở ấy giảng bộ kinh này ở núi Linh Thứu, cách sông Hằng không xa, vì vậy khi Phật nói đến con số nhiều, thường lấy cát sông Hằng để ví dụ. Cát sông Hằng rất mịn, giống như bột mì. Giao thông hiện đại phát triển, trong đồng tu chúng ta có không ít người đã từng đến Ấn Độ du lịch. Phật tử đến chiêm bái, đều mang rất nhiều cát sông Hằng về, đựng trong lọ nhỏ mang về. Tôi chưa từng đến, nhưng cũng có người tặng tôi một lọ, nhìn kỹ thật sự rất mịn, so với cát ở sông thông thường của chúng ta phải mịn hơn nhiều, thật giống như bột mì. Sông Hằng đại khái giống như Hoàng Hà, Trường Giang của Trung Quốc, dài mấy ngàn dặm, số cát trong đó có bao nhiêu? Không thể tính toán nổi! Phật ở đây nêu lên là bao nhiêu sông Hằng? Sáu mươi hai ức sông Hằng. Một sông Hằng đã là con số thiên văn, lại thêm sáu mươi hai ức sông Hằng, quả thật là không thể nói được, không thể nói được. Tức là nói [nếu như] quý vị trì niệm danh hiệu Bồ Tát, quý vị thọ trì “danh hiệu của sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát”.

“...lại trọn đời cúng dường thức ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc men trị bệnh.”

Đây là bốn sự cúng dường mà Phật dạy chúng ta, đối với người xuất gia tu đạo, chúng ta cúng dường cho họ bốn việc này. Thứ nhất là “thức ăn”. Thức ăn, vào thời Phật còn tại thế là khát thực. Khi người xuất gia đến khát thực, chúng ta gặp thấy nhất định phải cúng dường. “Y phục”, đây là ba tấm y, không cúng dường nhiều hơn. Khi y phục của chư tăng rách nát hoặc thiếu thốn, chúng ta cúng dường; nếu cúng dường nhiều sẽ làm họ tăng trưởng tâm tham, như vậy là hỏng. Cúng dường thức ăn, chúng ta ăn món gì cúng dường món đó, không đặc biệt nấu riêng cho họ. Đây là tâm từ bi của Phật pháp, tuyệt đối không làm người khác thêm phiền phức, phải hiểu ý nghĩa này. “Giường nằm”, hiện nay chúng ta gọi là nệm đặt lên giường, chư tăng thời xưa ở Ấn Độ chỉ là một tấm vải lót dưới đất để ngủ mà thôi. Khi có bệnh, lại cúng dường “thuốc men”. Đây là nhu cầu tối thiểu cho đời sống con người ở thế gian. Người tu đạo tâm thanh nhàn, ít ham muốn, biết đủ thường an vui. Vì vậy, đời sống của họ rất đơn giản, sự cúng dường của chúng ta cũng rất dễ dàng.

Đời sống người xuất gia đơn giản, cả đời không cầu nhiều nơi người khác, dù tu hành không thành tựu thì đời này thiếu nợ người khác cũng ít. Thiếu càng

ít càng tốt, đừng thiếu quá nhiều. Thiếu quá nhiều, lúc đó hưởng thụ tuy rất thoải mái, nhưng về sau khi trả nợ thì khổ sở vô cùng. Phải biết rằng thiếu nợ là phải trả. Thí chủ cúng dường các vị, đều có kỳ vọng đối với các vị, không phải cho người ăn xin. Đối với họ, cho người ăn xin là không có hy vọng, không cần trả lại. Nhưng người xuất gia nhận một phần cúng dường là có điều kiện, tương lai phải trả lại cho họ. “Một hạt gạo của thí chủ lớn như núi Tu-di, đời nay không liêu đạo, mang lông đội sừng để trả.” Rất đáng sợ, đời này chúng ta đạo nghiệp không thành tựu, từng chút từng chút đều phải trả nợ. Vì vậy nói rằng, người xuất gia đối với những vật của thường trụ phải quý tiếc giữ gìn, tiết kiệm phước, ý nghĩa chính là ở chỗ này.

Cố ý, vô ý hủy hoại vật của thường trụ, các vị xem trong giới luật kết tội rất nặng. Tồn hại vật của thường trụ là có tội với mười phương. Vì vậy, tạo tội với thường trụ rắc rối nhiều chính là chỗ đó, không phải chỉ với một người. Ví dụ, tài vật riêng của tôi, quý vị làm hư hỏng, quý vị bồi thường cho một mình tôi. Có tội với một người, một chủ nợ, chỉ ít thôi. Việc này có ý nghĩa rất sâu. Tài vật của thường trụ, người ta đến cúng dường là cúng dường cho thường trụ, không phải cúng dường cho riêng một người nào. Nói đến thường trụ tức là tất cả người xuất gia đều có phần, đừng nói ở đây chúng ta có phần, không ở đây họ cũng có phần, chỉ cần là người xuất gia đều có phần. Không chỉ người xuất gia trên địa cầu này có phần, mà các thế giới phương khác, vô lượng vô biên hằng sa thế giới, chỉ cần là người xuất gia, tất cả đều có phần. Các vị tạo tội với thường trụ, tội này hướng đến mười phương kết tội, vì vậy tội này gọi là không thể sám hối, ý nghĩa là ở chỗ này. Hiện nay, mọi người thường nghĩ đơn giản, không biết tội này nặng như vậy, vì vật nhỏ nhặt nếu lấy thì có sao đâu, nào có đáng giá mấy đồng? Đúng là không đáng giá bao nhiêu, nhưng chủ nhân của vật ấy là tất cả người xuất gia, khắp hư không pháp giới đều là chủ nhân, rắc rối ở chỗ này. Tại sao trộm cắp vật của thường trụ, chỉ trộm một chút xíu, tội đó cũng đã vào địa ngục A-tỳ? Đối với người thường chúng ta, dường như cách phán đoán như vậy hơi quá nặng, quá đáng. Nhưng nếu các vị nghĩ đến chủ nhân của vật ấy nhiều như vậy, mới biết quả báo tội này nặng nề như vậy là hợp lý.

Vì vậy, đối với tài vật của chung càng phải quý tiếc giữ gìn hơn tài vật của riêng mình. Vật riêng của mình hư hỏng cũng không sao, không quan trọng. Vật của chung hư hỏng, tội rất nặng. Ví dụ, không nói riêng trong Phật pháp, chúng ta hãy lấy pháp thế gian mà nói. Vật công cộng của thành phố Đài Bắc, đó là do người dân Đài Bắc đóng thuế xây dựng nên. Như một cái ghế trong công viên,

một băng ghế, một điện thoại công cộng, một thiết bị công cộng, nếu quý vị phá hỏng, chịu tội với ai? Chịu tội với toàn bộ hơn một triệu dân thành phố Đài Bắc. Người thế gian không hiểu ý nghĩa này. Chúng ta trộm cắp vật của một người, chủ nợ là một người; nếu trộm cắp vật của công cộng, chủ nợ là toàn bộ dân chúng của thành phố. Nếu là công trình xây dựng của chính phủ trung ương, quốc gia, thế là xong, quý vị phải chịu tội với toàn thể nhân dân cả nước. Số người cả nước còn không nhiều, dù cho Trung quốc có hơn một tỷ nhân khẩu vẫn không phải là nhiều, vì Phật pháp không thể nghĩ bàn, người xuất gia trong Phật pháp là khắp hư không pháp giới! Vì vậy, trong giới luật nói, đối với vật của thường trụ phải quý tiếc giữ gìn như úy tiếc giữ gìn con người của mắt mình, có ý nghĩa trong đó. Tại sao nói hủy hoại vật của thường trụ là không thể sám hối? Người thời nay ai hiểu được ý nghĩa này? Ai tin được? Để rồi tương lai khi tạo tội nghiệp phải đọa lạc, cũng không biết vì sao mình đọa lạc. Quý vị nói xem, có oan uổng không?

Vì vậy, Phật pháp không chỉ giới hạn với người xuất gia, lúc tôi giảng về ba quy y đều có nói rõ. Ở khóa học này vì thời gian quá ngắn không thể nói chi tiết, nên thường khi giảng kinh tôi đều có nói. Ở nước ngoài, những ai đến thọ quy y tôi đều giảng rõ, một khi quý vị phát tâm quy y tức là có hai con đường, một là xuống địa ngục, một là lên thiên đường. Quý vị đến tìm tôi cầu thọ ba quy y, tôi ở trước mặt Phật, Bồ Tát cử hành nghi thức quy y cho quý vị, còn bản thân quý vị tương lai muốn đọa địa ngục hay muốn sinh thiên đường là việc của quý vị. Tôi phải nói trước cho rõ, tương lai quý vị đọa địa ngục A-tỳ đừng trách tôi, nói tôi thọ ba quy y không nói rõ cho quý vị.

Quy y là quy y Tam bảo, lấy Tam bảo làm thầy, không phải quy y một người nào. Quý vị nói “tôi quy y vị pháp sư này, vị pháp sư này là sư phụ của tôi, vị kia không phải”, nói như vậy thì quý vị liền đọa địa ngục A-tỳ. Tại sao? Vì quý vị phá hoại Tăng đoàn, quý vị ở đây gây chia rẽ, tạo ra bè phái, phá hoại Tăng đoàn hòa hợp. Phá Tăng hòa hợp, mọi người đều biết đó là tội ngũ nghịch, đọa địa ngục A-tỳ. Quý vị nói, tôi không phá hoại! Quý vị nhận định “đây là sư phụ của tôi, vị kia không phải”, chính là phá Tăng hòa hợp. Quý vị không thọ Tam quy thì không đọa địa ngục, vừa thọ Tam quy liền đọa địa ngục. Quý vị vừa xuất gia thọ giới, nói đây là sư phụ của tôi, vị kia không phải, quý vị sẽ đọa địa ngục. Dễ đọa địa ngục nhất chính là người học Phật, người không học Phật tạo tội không nặng đến thế. Vì vậy, người học Phật thành tựu cũng lớn nhất, nếu không thành tựu thì đọa lạc cũng thâm trọng nhất. Đây là điều chúng ta nên hiểu rõ, ghi nhớ trong tâm, tuyệt đối không thể phạm.

Đời sống phải đơn giản, phải biết đủ, có dư thừa phải chuyển bố thí, chuyển cúng dường. Có người phước báo nhiều hơn một chút, người cúng dường họ cũng nhiều, người không có phước báo thì không có cúng dường, chúng ta có dư phải chia cho người khác, đừng tích trữ.

Đây là Phật nói về bốn sự cúng dường nhu yếu. Tu tập bốn sự cúng dường là tu phước. Đây nói suốt đời tu bốn sự cúng dường, lại trì niệm danh hiệu Bồ Tát, cúng dường nhiều Bồ Tát như vậy.

“Ý ông nghĩ sao, công đức của thiện nam hay thiện nữ ấy có nhiều chăng?”

Đây là đức Phật Thích-ca Mâu-ni nêu lên ví dụ này để hỏi Bồ Tát Vô Tận Ý. Bồ Tát Vô Tận Ý thưa:

“Bạch Thế Tôn, rất nhiều.”

Phật dạy: “Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, dù chỉ một lần...”

Chữ “một lần” ở đây không phải chỉ một đơn vị thời gian của Ấn Độ, một “thời” của Ấn Độ là bốn giờ của chúng ta, không phải chỉ điều đó. “Một lần” ở đây chính là một niệm.

“...cúng dường lễ bái...”

Chỉ trong một lúc đó, ngẫu nhiên phát tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát, đương nhiên đó là nhất tâm xưng niệm, “lễ bái cúng dường”.

“...phước đức hai người ấy bằng nhau, không hề khác biệt, trong trăm ngàn muôn ức kiếp không thể cùng tận.”

Điều này quả thật là không thể nghĩ bàn. Một người thọ trì danh hiệu của các vị Bồ Tát nhiều như số cát của sáu mươi hai ức con sông Hằng, suốt đời cúng dường. Một người thì trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ một lần, lễ bái cúng dường cũng chỉ một lần, cho dù tính như “một thời” của Ấn Độ là bốn giờ, chúng ta nói bây giờ cũng chỉ là một buổi sáng mà thôi. Phước báo của hai người ấy lại đạt được bằng nhau. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Hơn nữa, phước báo này là “trong trăm ngàn muôn ức kiếp không thể cùng tận”, hưởng thụ không hết.

Chúng ta đọc kinh văn này, thử nghĩ xem chúng ta ở đây bảy ngày, phước báo chúng ta tu được, theo như kinh nói, lại không biết vượt hơn bao nhiêu lần. Có phải như vậy không? Hình như là như vậy, nhưng kỳ thực chúng ta phải suy

xét kỹ lại, trong đó có vấn đề. Kinh văn nói là “nhất tâm xưng danh”, còn chúng ta thì sao? Chúng ta là “tán tâm xưng danh”, chúng ta là “loạn tâm xưng danh”, như vậy thì không được, trong đó phải giảm bớt rất nhiều. Vì vậy, điều quan trọng là ở chỗ nhất tâm, nhất tâm lễ bái, tôi khuyên các vị nên lễ bái nhiều.

Chỗ này nói rõ, trì niệm danh hiệu một vị Bồ Tát so với trì niệm vô số danh hiệu Bồ Tát không khác gì nhau. Chúng ta tuyệt đối đừng nên nghi ngờ, vì quả thật có một số đồng tu gặp không ít phiền phức. Ví dụ, trước đây chưa nghe chánh pháp, họ học Phật, khóa tối khóa sáng tụng rất nhiều kinh, nào là kinh A Di Đà, Phẩm Phổ Môn, kinh Kim Cang, Tâm kinh... rất nhiều, rất nhiều. Thêm rất nhiều thần chú, phải niệm rất nhiều danh hiệu Phật, Bồ Tát. Có vẻ như nếu có một vị không niệm đến, một vị Phật, Bồ Tát nào đó, e rằng sẽ trách tôi, tôi không lễ bái Ngài. Vì vậy, tự mình mệt mỏi không chịu nổi, một thời khóa tối hai ba tiếng đồng hồ cũng không làm xong, lại còn phải đi làm, làm không xong thì sao? Trên xe phải tranh thủ. Vì vậy, vừa gặp tôi liền nói, thưa pháp sư, con khổ quá! Khóa tối khóa sáng đó. Tôi liền bảo họ, các vị chỉ niệm một câu A-di-đà Phật thôi, tất cả những gì khác đều không niệm nữa. Họ lại không yên tâm, con niệm lâu như vậy, bây giờ niệm A-di-đà Phật, những vị khác không niệm nữa, những vị Phật, Bồ Tát kia đến tìm con gây phiền phức thì làm sao?

Đây là tâm phàm phu. Hình như có nhiều người như vậy, một người cũng không dám đắc tội, sợ rằng đắc tội một người thì phiền phức sẽ tìm đến. Tôi nói với họ, trước đây tôi từng gặp một người như vậy, tôi bảo họ đừng niệm kinh, chú gì nữa, khóa tối khóa sáng chỉ một quyển kinh A Di Đà, niệm ba biến chú Vãng sanh, sau đó niệm Phật hiệu. Niệm xong, cuối cùng thì lễ Tam quy y. Khóa tụng như vậy rất viên mãn. “Đơn giản như vậy sao?” Người ấy nói đơn giản như vậy không tin, chạy đến Đài Trung thỉnh giáo Lý lão sư. Lý lão sư cũng nói như vậy. Người ấy trở về nói với tôi, Lý lão sư nói giống như thầy nói. Tôi hỏi, ông có tin không? Phải tin!

Trong kinh, Phật nói với chúng ta, niệm danh hiệu một vị Bồ Tát, một vị Phật, là đã niệm trọn danh hiệu của tất cả chư Phật, Bồ Tát trong mười phương ba đời, tại sao? Vì các vị nhất tâm xưng niệm. Vì vậy mới nói phước đức đạt được không khác gì nhau. Hãy xem tiếp đoạn kinh văn dưới đây.

“Này Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm được lợi ích phước đức vô lượng vô biên như vậy.”

Đây là tổng kết đoạn lớn phía trước, xưng tán, khen ngợi, đây là kết luận. Phật gọi Bồ Tát Vô Tận Ý. Bồ Tát Vô Tận Ý trong pháp hội Pháp Hoa là đại diện cho chúng ta thưa hỏi. Phật nói với ngài chính là nói với chúng ta. “Thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm”, như đã nói ở trước, những gì các vị đạt được là “lợi ích phước đức vô lượng vô biên”.

Đoạn dưới đây trích dẫn một đoạn kinh văn trong kinh Lăng Nghiêm:

“Mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thế giới với trăm ức mặt trời mặt trăng này, hiện có các Pháp vương tử đông như số cát sáu mươi hai sông Hằng ở thế gian đều tu tập Phật pháp, làm gương mẫu giáo hóa tùy thuận chúng sanh, phương tiện trí huệ tất cả đều khác nhau.”

Con số sáu mươi hai ức, trong kinh Lăng Nghiêm nói rõ hơn chỗ này, chúng ta hợp lại xem sẽ hiểu. Sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát ở đâu? Chính là ở thế giới Ta-bà của chúng ta, chính là trong một đại thiên thế giới của chúng ta. Có thể thấy số lượng Bồ Tát nhiều vô cùng. Địa cầu của chúng ta dân số bất quá cũng chỉ khoảng hơn bốn tỷ, nếu lấy cát sông Hằng để tính, e rằng chỉ một đấu cát sông Hằng, số cát trong một đấu có lẽ còn nhiều hơn toàn bộ dân số thế giới chúng ta. Vì vậy, quý vị nên biết, Phật, Bồ Tát nhiều hơn số người của chúng ta. Chúng ta nói không gặp được Phật, Bồ Tát, đó là chúng ta nghĩ sai. Phật, Bồ Tát suốt ngày ở xung quanh chúng ta, chúng ta có mắt nhưng không nhận ra các ngài. Vì hình dạng của Bồ Tát Quán Thế Âm, tuyệt đối không phải như hình tượng chúng ta tạo ra ở đây, hình dạng đó các vị mới nhận ra, như Bồ Tát Quán Thế Âm chúng ta mới thấy được.

Quý vị không nhận ra, tại sao? Những Bồ Tát này, các vị xem, tu pháp làm khuôn mẫu, phương tiện lợi sanh đều khác nhau. Thị hiện thân phận khác nhau, tu học pháp môn khác nhau, nhưng mục đích là một, đều là lợi ích chúng sanh, nên gọi là “phương tiện có nhiều cửa, mục đích chỉ một đường”, mục đích không có hai đường, chính là nói chỉ hướng đến lợi ích chúng sanh.

Từ đó có thể biết, đây là những vị trụ thế, tức là trụ ở thế giới Ta Bà, làm đệ tử của đức Thích-ca Mâu-ni, thay đức Thế Tôn chuyển pháp luân, độ chúng sanh, những vị Bồ Tát này, có số lượng nhiều như số cát của sáu mươi hai ức con sông Hằng. Đây là cảnh giới hiện lượng mà Phật và Đại Bồ Tát tự mắt thấy.

Nói đến những vị Bồ Tát này giáo hóa chúng sanh, có thể nói phương thức rất nhiều, có vị dùng quyền xảo phương tiện, có vị dùng pháp môn chân thật, có

vị hiện cảnh thuận, có vị hiện cảnh nghịch. Như chúng ta thấy được qua năm mươi ba lần tham vấn trong kinh Hoa Nghiêm. Có vị thị hiện trong Phật môn xuất gia tu hành đắc đạo, có vị thị hiện là ngoại đạo; có vị thị hiện thuận cảnh để lợi ích chúng sanh, có vị thị hiện nghịch cảnh để lợi ích chúng sanh. Cửa phương tiện, nói theo đại cương không ngoài bốn nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Vì vậy nên nói mỗi vị đều khác nhau.

Đoạn dưới đây cũng là kinh văn trong kinh Lăng Nghiêm, nói ra nguồn gốc năng lực của Bồ Tát:

“Do chúng được tánh viên thông nên nhĩ căn phát ra diệu tính, thân tâm vi diệu trùm khắp pháp giới khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con so với chấp trì danh hiệu của sáu mươi hai hằng hà sa các Pháp vương tử, công đức hai người bằng nhau không khác.”

Trong pháp hội Lăng Nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm tự nói ra, tất cả chúng sanh trì danh hiệu của Ngài, với thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát là bằng nhau. Trong pháp hội Pháp Hoa, là đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói cho chúng ta biết, xem cả hai kinh như nhau, chúng ta nên tin.

“Do Đại sĩ chân thật đắc viên thông, một với nhiều đều bình đẳng, ta với người không khác, cho nên được vậy.”

Đọc kinh văn đến đây cũng nói cho chúng ta một sự thật. Một người tu đạo, nếu thấy có người khen ngợi người khác, tự mình không vui, hoặc có tật đổ chướng ngại, người này chưa đắc đạo. Chẳng những chưa đắc đạo, mà ngay cả đạo tâm cũng không có, đó chỉ là phàm phu.

Người thật có đạo tâm, khi nghe người khen ngợi người khác, so với khen ngợi chính mình không thấy khác biệt. Vì vậy, các vị khi tiếp xúc đại chúng, quan sát người, có thể từ chỗ này mà xem. Người có đạo tâm, muôn pháp là cùng một thể, người khác được phước báo cũng giống như chính mình được, người khác chịu khổ đau cũng giống như chính mình chịu khổ. Người khác được phước báo, tự mình đổ ky, trong tâm bất bình, đây là phàm phu, đây là chướng ngại nghiêm trọng của chính mình. Không những chướng ngại sự chứng quả, mà ngay cả sự khai ngộ cũng bị chướng ngại. Thậm chí tụng kinh cũng không hiểu ý nghĩa, nghe kinh cũng nghe không hiểu. Vì sao? Vì bản thân tự có chướng ngại. Trừ chướng ngại phải bắt đầu từ chỗ này, trước hết phải mở rộng tâm lượng của chính mình. Đây là đoạn lớn thứ nhất, đến đây đã giảng xong.

Dưới đây là lần hỏi đáp thứ hai.

Bồ Tát Vô Tận Ý bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ Tát Quán Thế Âm đi khắp thế giới Ta-bà như thế nào? Vì chúng sanh thuyết pháp thế nào? Sử dụng sức phương tiện ra sao?”

Trong phần trước là lần hỏi đáp thứ nhất, hỏi về nhân duyên gì Bồ Tát có danh hiệu là Quán Thế Âm. Phần trước đã trả lời xong câu hỏi này.

Bây giờ, Bồ Tát Vô Tận Ý lại nêu lên vấn đề thứ hai. Bồ Tát Quán Thế Âm, mọi người đều biết, Ngài ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, giúp đỡ Phật A-di-đà giáo hóa chúng sanh, là Phật Bồ xứ của thế giới Tây phương. Tương lai sau khi Phật A-di-đà nhập diệt, Ngài sẽ thành Phật ở thế giới Tây Phương. Vì vậy, thân phận của Ngài ở thế giới Tây Phương, với thân phận của Bồ Tát Di-lặc ở thế giới Ta-bà của chúng ta là giống nhau. Bồ Tát Di-lặc là Phật Bồ xứ của đức Thích-ca Mâu-ni, khi pháp vận của đức Thích-ca Mâu-ni qua đi, trong kinh Di Lặc Hạ Sanh nói rất rõ. Năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, đây là cách tính của thế giới chúng ta, sau năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, Bồ Tát Di-lặc từ cung trời Đâu-suất dẫn sanh nơi thế giới này, thị hiện thành Phật.

Hiện nay có một số ngoại đạo nói đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã thoái vị, đức Di-lặc đã thành Phật rồi. Đây là lời nói bịa đặt, không thể tin được. Còn có người nói Ngọc Hoàng Đại Đế hiện nay cũng thoái vị, hiện nay Quan Công làm Ngọc Hoàng Đại Đế, không biết tin tức của họ từ đâu mà có, đều là bịa đặt, đây là điều chúng ta tuyệt đối không thể tin. Vì vậy, thời mạt pháp quả thật như kinh Lăng Nghiêm đã nói, “tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”, chúng ta không thể dễ dàng nghe theo. Nếu dễ dàng nghe theo nhất định sẽ mắc lừa, đi vào đường tà.

Vấn đề này nói, đã là Phật Bồ xứ của thế giới Tây Phương, tại sao Ngài lại đến thế giới Ta-bà? Đến thế giới Ta-bà, Ngài vì chúng sanh thuyết pháp như thế nào? Tất cả thiện xảo phương tiện trong đó ra sao? Nêu lên vấn đề này để thỉnh giáo đức Thích-ca Mâu-ni Phật. Vấn đề này đối với chúng ta cũng rất quan trọng, chúng ta cũng rất muốn biết. Chúng ta hãy xem phần chú giải, trong chú giải có giải thích:

“Trước hỏi vì nhân duyên gì đắc danh, Phật đáp rằng do ba nghiệp của chúng sanh hiển bày cơ duyên thành cảnh, Pháp thân trí tuệ linh nghiệm, ứng hợp thâm lặng nhân duyên cảnh trí, nên gọi là Quán Thế Âm”, đây là tổng kết ý nghĩa phần trước, chúng ta đọc qua một lần là hiểu.

“Nay hỏi du hóa thế giới Ta-bà này như thế nào”, phía dưới Phật trả lời, “Phật đáp Phổ Môn thị hiện, ba nghiệp hiển bày sự ứng hợp, ứng với cơ cảnh thâm lặng của chúng sanh. “Du hóa như thế nào là hỏi về thân nghiệp, hỏi thân nghiệp của Bồ Tát, thuyết pháp như thế nào là hỏi về khẩu nghiệp, phương tiện như thế nào là hỏi về ý nghiệp”. Vì vậy, câu hỏi này của Bồ Tát Vô Tận Ý, ý nghĩa rất trọn vẹn.

“Thân nghiệp hiển hình tướng, khẩu nghiệp thuyết pháp, ý nghiệp soi xét căn cơ”, soi xét căn cơ chính là quán cơ, “ứng hợp không có sự mưu tính”, mưu tính chính là ý niệm [tính toán trước], tức là Bồ Tát không hề khởi tâm động niệm, không phân biệt bám chấp, chính là ý nghĩa không mưu tính, tự nhiên ứng hợp với chúng sanh cảm ứng đạo giao, “khấp thích hợp tất cả”, tức là ứng với tất cả căn cơ, tất cả chúng sanh, “cũng gọi là ba luân hóa độ không thể nghĩ bàn. Phương tiện không phải trước khi chứng đạo, mà là phương tiện soi xét căn cơ sau khi chứng đạo”, hai câu này rất quan trọng. Trước khi chứng đạo tức là chưa thành đạo, như địa vị hiện nay của chúng ta, chúng ta chưa chứng đạo. Chúng ta quán cơ thường không chính xác, chúng ta dạy pháp môn cho người khác chưa chắc có hiệu quả, đó là không đúng cơ. Bồ Tát Quán Thế Âm là sau khi chứng đạo, Ngài đã sớm thành Phật, như đã nói trước đó. Sau khi thành Phật, lại lui về địa vị Bồ Tát, vậy thì sự quán xét căn cơ của Ngài có khác gì với chư Phật Như Lai?

Giáo hóa chúng sanh, quán xét căn cơ là điều thứ nhất, cũng là việc khó khăn nhất. Có thể quán xét căn cơ mới có thể giáo hóa. Quán xét căn cơ, theo cách nói của giáo dục hiện nay, chính là tâm lý giáo dục. Làm một người thầy nếu không hiểu tâm lý giáo dục, không hiểu tâm lý học sinh, thì sự giáo hóa rất khó đạt hiệu quả. Vì vậy, tại sao giáo viên nhất định phải tốt nghiệp trường sư phạm? Người tốt nghiệp đại học thông thường, tại sao người ta không muốn mời? Vì họ chưa học qua hai môn này, một là tâm lý học giáo dục, hai là phương pháp giảng dạy. Những người khác dù tốt nghiệp đại học thông thường, hai môn này các vị chưa học, các vị không thể quán xét căn cơ. Nói cách khác, các vị không có thiện xảo phương tiện. Dù bản thân các vị có học vấn, các vị không có phương pháp biểu đạt, không biết dùng phương pháp nào để biểu đạt mới có thể khiến học sinh hoàn toàn tiếp nhận. Đây chính là nói về phương pháp giảng dạy và tâm lý giáo dục.

Dưới đây là lời giải đáp của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, “Như Lai thương xót trả lời”, trong đó có ba đoạn nhỏ. Đoạn thứ nhất, “Chính đáp về pháp Phổ Môn”, đoạn thứ hai là “khuyến nên cúng dường”, đoạn thứ ba là “tổng kết thần lực”.

Trong đoạn thứ nhất nói về “Phổ Môn ứng hiện trọn khắp”. Trong đoạn thứ nhất lại chia thành hai đoạn nhỏ, nhưng hai đoạn nhỏ này đều khá dài. Đặc biệt là nói Phổ Môn ứng hiện trọn khắp, trong đó nói “ba mươi ba thân”, có ba mươi hai Ứng hóa thân, tức là cả thấy ba mươi ba thân. “Mười chín cách thuyết pháp, tóm lại thành hiện thân trong mười pháp giới, thiếu hai cảnh giới Bồ Tát và địa ngục”, nhưng trong phần kết luận nói “dùng đủ mọi hình tướng là để bao quát”, bao quát tức là bao gồm cả trong đó.

Trong ba mươi ba thân chia làm tám loại, tức là tám đoạn nhỏ. Đoạn nhỏ thứ nhất gọi là “thân thánh nhân”. Mời quý vị xem kinh văn:

“Đức Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý: “Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong cõi nước phải dùng thân Phật mới có thể hóa độ, Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật vì họ thuyết pháp. Nếu phải dùng thân Duyên giác mới có thể hóa độ, liền hiện thân Duyên giác vì họ thuyết pháp. Nếu phải dùng thân Thanh văn mới có thể hóa độ, liền hiện thân Thanh văn thuyết pháp.”

Trong bốn bậc thánh đã lược bỏ hàng Bồ Tát, vì hiện nay ngài đang ở địa vị Bồ Tát, nên không cần nói hiện thân, bản thân Ngài chính là Bồ Tát, vì vậy không cần nói đến Bồ Tát.

“Phải dùng thân Phật mới có thể hóa độ”, đây nhất định là hóa độ Bồ Tát. Bồ Tát dù là quyền giáo hay thật giáo, mục đích của Bồ Tát chính là thành Phật. Mục đích của các vị là thành Phật, Bồ Tát Quán Thế Âm có thể hiện thân Phật để vì các vị thuyết pháp. Trong Phẩm Phổ Môn, kinh văn nói giản lược, trong kinh Lăng Nghiêm nói chi tiết hơn. Ba mươi hai Ứng hóa thân này, trong kinh Lăng Nghiêm nói rất chi tiết. Chúng ta hãy đọc phần chú giải:

“Đầy đủ trả lời câu hỏi về ba nghiệp, lời nói “phải dùng” là trả lời về phương tiện, tức câu hỏi về ý nghiệp. Làm sao biết được? Vì dùng ý quán xét căn cơ, thấy được chỗ thích hợp, nên thị hiện thân gì, nên thuyết pháp gì”, đây chính là quán xét căn cơ, xem căn tánh của chúng sanh như thế nào, nên dùng thân phận gì, nên vì họ nói pháp môn gì, “tùy theo đó mà ứng hợp. Hiện thân trả lời câu hỏi về thân nghiệp, thuyết pháp trả lời câu hỏi về khẩu nghiệp”. Vì vậy, lời đáp này của Như Lai đã trả lời trọn vẹn ba câu hỏi của Bồ Tát Vô Tận Ý.

Dưới đây trích dẫn kinh Lăng Nghiêm. Kinh nói:

“Nếu có Bồ tát nhập Tam-ma-địa”, quan trọng nhất ở chữ nhập, “tiến tu vô lậu, thắng giải hiện ra viên mãn, con liền hiện thân Phật mà thuyết pháp khiến

cho họ được giải thoát.” Có thể thấy, Bồ Tát hiện thân Phật vì người thuyết pháp là có điều kiện, tức là vị Bồ Tát này sắp thành Phật, đã “nhập tam-ma-địa, tiến tu vô lậu”. Nhập tam-ma-địa, Bồ Tát Sơ Trụ đã bắt đầu nhập, đã nhập tam-ma-địa. Tức là nói trong kinh Lăng Nghiêm gọi là Đại định Lăng Nghiêm, người niệm Phật chúng ta gọi là Lý nhất tâm bất loạn, nhập tam-ma-địa chính là chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Sau khi chứng đắc không phải là viên mãn, mà phải “tiến tu vô lậu”. Dựa vào quả vị Bồ Tát Viên giáo, các vị có thể hiểu tình trạng trong Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là từ Sơ Trụ Viên giáo đến Đẳng Giác, trong đó có bốn mươi một địa vị, đều gọi là Lý nhất tâm bất loạn; trong kinh Lăng Nghiêm đều gọi là nhập tam-ma-địa, Thiền tông gọi là “sáng tâm thấy tánh”, sáng tâm thấy tánh có nhiều địa vị như vậy, trình độ cao thấp không giống nhau. Trong Giáo môn gọi là “khai mở lớn lao, nhận hiểu trọn vẹn”, khai mở và nhận hiểu như vậy cũng có bốn mươi một trình độ không giống nhau, vì vậy phải tiến tu. Đến “thắng giải hiện ra viên mãn”, viên là viên mãn, viên mãn là gì? Là Đẳng Giác. Thắng giải diệu viên là Đẳng Giác, nhập Tam Ma Địa là Sơ Trụ, tức là vị Bồ Tát này đã tu hành từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, sắp thành Phật. Lúc này Bồ Tát liền hiện thân Phật mà vì đó thuyết pháp. Bồ Tát Đẳng Giác sắp thành Phật, các vị hiện thân Bồ Tát Đẳng Giác vì họ thuyết pháp, không được, không phải điều họ mong đợi; điều họ mong đợi là Phật đến vì họ thuyết pháp, lúc này giúp họ một chút là họ vượt qua, chứng đắc quả vị viên mãn.

Phần tiếp theo nói, “phải dùng thân Phật Bích-chi mới có thể hóa độ”, Phật Bích-chi, ba chữ đều là tiếng Phạn, Bích-chi dịch sang tiếng Trung là duyên, tức là nhân duyên, chính là nhân duyên; Phật dịch sang tiếng Trung là giác. Vì vậy gọi là Duyên giác, là dịch theo nghĩa tiếng Trung. Gọi Phật Bích-chi là tiếng Phạn, nên Phật Bích-chi chính là Duyên giác. Phật Bích-chi có hai hạng, một là Độc giác, một là Duyên giác. Độc giác là các vị sanh vào thời kỳ không có Phật pháp xuất hiện. Trong thời điểm này họ dứt trừ phiền não kiến tư, chứng đắc Niết-bàn thiên chân, nên trở thành Độc giác. Đây cũng không phải ngẫu nhiên, trong kinh Phật nói rất nhiều, nói sau khi Tiểu thừa kiến đạo, chưa kiến đạo thì không thể nói, không thể tính. Kiến đạo là gì? Là Tiểu thừa Sơ quả Tu-đà-hoàn. Chỉ cần chứng đắc Tu-đà-hoàn, nói cách khác, các vị chứng A La Hán, tức là đoạn phiền não kiến tư, có thể lập thời gian biểu. Giống như chúng ta đi Cao Hùng, nếu xe lên đường cao tốc, các vị có thể dự định thời gian, bao nhiêu thời gian nhất định sẽ đến. Tiểu thừa chỉ cần chứng đắc Tu-đà-hoàn, liền biết lúc nào sẽ chứng quả A-la-hán. Trong kinh nói, bảy lần qua lại cõi trời người, rồi sẽ chứng quả A-la-

hán. Nếu lúc họ chứng quả, thế gian có Phật xuất thế, có Phật pháp, thì họ là Duyên giác, hoặc là A-la-hán, hoặc là Thanh văn. Nếu lúc đó, thế gian không có Phật xuất thế, cũng không có Phật pháp, vậy chúng ta hỏi, họ có thành tựu không? Họ vẫn thành tựu, tuyệt đối không bị lỡ, họ trở thành Độc giác, trở thành Phật Bích-chi. Từ đó có thể biết, sau khi kiến đạo, quả thật là đã định thời gian chứng đắc, thời gian này có thể biết trước để lập thành thời gian biểu.

Từ đó có thể biết, đối với chúng ta, vấn đề then chốt là chưa lên đường, chưa kiến đạo. Giai vị kiến đạo của Đại thừa là Bồ Tát Sơ trụ, giai vị kiến đạo của Tiểu thừa là quả Tu Đà Hoàn. Kiến đạo rồi mới tu đạo, tu đạo rồi mới chứng đạo; đạo còn chưa nhìn thấy, nói gì đến tu? Chưa kiến đạo mà tu phải gọi là tu luyện mù quáng. Người ta nói chúng ta tu luyện mù quáng, chúng ta nghe thấy liền tức giận. Tức giận chính là tu luyện mù quáng. Người tu đạo chân chính đâu có tức giận? Trong kinh thường nói “tám gió thổi không động”, đó là thành tựu gì? Thành tựu nhỏ, thậm chí còn không bằng kiến đạo, tức là tổng thể đã là người minh bạch, không bị ngoại cảnh xoay chuyển, nhưng đã kiến đạo chưa? Chưa chắc. Nhưng người như vậy đã có tư cách học đạo, dần dần đi đến giai vị kiến đạo, trong Tiểu thừa gọi là hướng Sơ quả, trong Đại thừa là Bồ Tát Thập tín, chưa đến Sơ trụ. Giai vị Bồ Tát Thập tín thì “tám gió thổi không động”. Gió trần cảnh bên ngoài thổi nhẹ một chút tâm đã động, thua quý vị, đó là phàm phu, sự tu hành đó sẽ không thành tựu. Đến lúc tám gió thổi không động công phu mới có phần đắc lực, có lợi ích, công phu tu hành có thể được lợi ích. Gió trần cảnh vừa động, sự tu hành này không được lợi ích. Người xưa ví như gì? Ví như bè trôi trên mặt nước, theo dòng nước trôi dạt khắp nơi, không có rễ. Đến lúc tám gió thổi không động, lúc đó tự mình có chút chủ ý, không theo cảnh chuyển, có thể tu đến công phu thành phiền. Tu pháp môn khác đạt lợi ích ít, tu pháp môn Tịnh độ đạt lợi ích nhiều, vì công phu thành phiền có thể mang theo nghiệp vãng sanh, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi mới tu giai vị kiến đạo. Đạo còn chưa thấy nhưng có thể vãng sanh Tây Phương, đây là pháp môn không thể nghĩ bàn. Vì vậy là pháp rất khó tin nhận, chúng ta nên ghi nhớ.

“Nếu phải dùng thân Thanh văn mới có thể hóa độ, liền hiện thân Thanh văn thuyết pháp.” Thanh văn tu pháp Tứ đế, Duyên giác tu pháp Thập nhị nhân duyên. Cũng phải là giai vị A-la-hán, đương nhiên là hướng Tứ quả A-la-hán, sắp chứng Tứ quả. Lúc này Bồ Tát hiện thân đồng loại. Mục đích của các vị là muốn chứng A-la-hán, tôi chính là A-la-hán, tôi là người thị hiện tái sinh, nói ra lời họ có thể tiếp nhận, họ không nghi ngờ. Vì vậy, pháp môn cũng như vậy, chúng ta muốn tu

một pháp môn, ví dụ chúng ta muốn tu kinh Pháp Hoa, vị pháp sư đó cả đời chuyên tu kinh Pháp Hoa, Ngài đến hóa độ đặc biệt dễ dàng, dạy dỗ đặc biệt dễ dàng. Tại sao? Một chút nghi ngờ cũng không có, họ có thể kính tin, họ được lợi ích. Họ muốn tu Pháp Hoa, tôi là người học Hoa Nghiêm, nói “lại đây, tôi dạy cho”. Họ đối với tôi nửa tin nửa ngờ: “Ông học Hoa Nghiêm, ông chưa học Pháp Hoa, sao ông có thể dạy tôi?” Tâm cung kính và lòng tin đều không đầy đủ, không đầy đủ thì không thể được lợi ích, ý nghĩa là ở chỗ này.

Vì vậy, để thật sự vì lợi ích chúng sanh, tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm không hiện một thân? Tôi chính là Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát là được rồi. Các vị tu Phật Bích-chi, tôi chính là thân phận Bồ Tát đến độ các vị, dạy các vị chứng quả Phật Bích-chi, dạy các vị chứng quả A-la-hán. Tại sao phải biến hiện những thân phận đó? Các vị hãy nhớ một câu, thành công hay không chính là ở chỗ kính tin. Những vị này muốn chứng quả Phật Bích-chi, Bồ Tát Quán Thế Âm đến, họ đối với Ngài không tin, kính tin không đầy đủ, không có mười hai phần kính tin; dù cũng kính cũng tin, nhưng không đủ, nên khi giúp đỡ sức lực không lớn. Hiện thân đồng loại, vừa thấy, họ muốn chứng quả Phật Bích-chi, gặp một vị Phật Bích-chi đến, kính tin đầy đủ.

Vì vậy, Bồ Tát không thể không phương tiện thị hiện thân đồng loại của họ, chính là ý nghĩa này. Vì họ thuyết pháp phải nói pháp đồng loại, họ tu Thập nhị nhân duyên, phải vì họ nói pháp Thập nhị nhân duyên; họ tu Tứ đế, phải vì họ nói pháp Tứ đế, họ mới hoan hỷ, hoàn toàn xác định tiếp nhận, họ liền thành tựu. Đây chính là chỗ đại từ đại bi của Bồ Tát.

Chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới, là đoạn nhỏ thứ hai, nói về “thân Thiên vương”. Các vị xem, Bồ Tát muốn độ các Thiên vương, phải dùng thân đồng loại để độ họ, bằng không cũng không độ được. Chúng ta hiểu ý nghĩa này. Vì vậy, Phật pháp truyền đến Trung quốc, các bậc Tổ sư, đại đức của chúng ta thấu hiểu ý Phật, nên kiến lập các tông phái. Đây chính là phân thân của Bồ Tát, lợi ích tất cả chúng sanh, thật sự có thể thành tựu tất cả chúng sanh, thật sự có thể thành tựu. Kinh Phật từ Ấn Độ lưu truyền đến Trung quốc, được dịch sang chữ Hán, chỉ có hơn ba ngàn bộ, hiện nay trong Đại tạng kinh của chúng ta. Trong hơn ba ngàn bộ kinh này, những bộ được đại chúng đặc biệt ưa thích, nhân duyên đặc biệt sâu, cũng chỉ khoảng trên dưới trăm bộ mà thôi, số lượng không nhiều.

Từ năm Dân quốc thứ 58 (1969),² tôi giảng dạy ở Phật Quang Sơn, đã từng kiến nghị ở Phật Quang Sơn. Lúc đó Phật Quang Sơn có hơn một trăm học sinh. Tôi đã từng thảo luận vấn đề này với Pháp sư Tinh Vân, tôi hy vọng một học sinh học một bộ, xem trình độ, năng lực của họ. Trình độ thấp, năng lực kém một chút, học bộ nhỏ, phần lượng ít một chút; thông minh, trí tuệ, trình độ cao một chút, có thể học bộ lớn. Nếu một người học một bộ, hơn một trăm người này, từ năm Dân quốc thứ 58 đến nay, mười sáu, mười bảy năm rồi, hơn một trăm người này người nào cũng đệ nhất, đều là chuyên gia. Người học kinh A-di-đà chính là Phật A-di-đà trụ ở Phật Quang sơn, người học Phẩm Phổ Môn chính là Bồ Tát Quán Âm trụ ở Phật Quang Sơn. Ngày nay Phật Quang Sơn là Phật quang phổ chiếu toàn cầu, người khắp thế giới muốn học Phật pháp, không đến Phật Quang Sơn thì đến đâu? Đến Phật Quang Sơn, tôi muốn học kinh A-di-đà, phải học với Phật A-di-đà. Tại sao? Ngài là chuyên gia, Ngài học một bộ kinh này mười lăm, mười sáu năm. Các Pháp sư khác dù thông suốt tất cả kinh, giảng tất cả luận, nhưng không phải chuyên gia, đối với vị pháp sư đó lòng tin không đầy đủ. Còn đối với vị chuyên công một bộ kinh này mười mấy hai mươi năm, họ có đầy đủ lòng tin, Ngài có thể dạy họ thành tựu. Rất tiếc, Pháp sư Tinh Vân năm đó không tiếp nhận ý kiến của tôi, mỗi lần tôi đến Phật Quang Sơn thăm viếng đều rất cảm thán, thời gian nhiều năm như vậy uổng phí, trôi qua vô ích.

Học nhiều thứ, không thể thành tựu một thứ; học một thứ, đều thành chuyên gia. Có hơn một trăm chuyên gia, còn gì bằng! Không thể tưởng tượng! Trong các khóa giảng Đại chuyên, tôi đều lấy lời này để khuyến khích các bạn học, trách nhiệm khuyến khích tôi đã làm hết, nghe hay không, họ tiếp nhận hay không, là việc của họ, tôi không thể miễn cưỡng. Đương nhiên tôi nói lời này, mọi người đối với tôi kính, tin chưa đủ mức độ, tại sao không đủ mức độ? Vì chính tôi chưa làm được, chính tôi kinh gì cũng giảng, luận gì cũng giảng. Vì vậy vẫn có người nghi ngờ, “ông này không có ý tốt, ông thông suốt tất cả, lại bảo chúng tôi chỉ học một thứ”. Còn có sự hiểu lầm như vậy, lòng tốt của tôi bị hiểu sai ý. Vì vậy, bây giờ cảm thấy vấn đề này nghiêm trọng, nếu không tu học như vậy thì không thể thành tựu. Hôm nay tôi từ bỏ tất cả kinh luận, chuyên tâm học một thứ, e rằng tôi học thêm mười năm nữa, lời nói của tôi mọi người mới tin. Tin sớm một ngày

² Nguyên tác nói “ngũ thập bát niên”, nhưng nếu là năm 1958 thì Hòa thượng chưa bắt đầu giảng kinh. Phần sau lại nói đến đây đã khoảng 16, 17 năm. Thời điểm giảng bài này là năm 1983, nên ước chừng khi ở Phật Quang sơn là 1966-1967. Vì là ước chừng, nên nếu tính đây là dựa theo năm Dân quốc thứ 58 (1969) sẽ hợp lý nhất.

thì thành tựu sớm một ngày, tin chậm thì thành tựu chậm, rất quan trọng. Chúng ta hãy xem tiếp đoạn dưới đây.

“Nếu phải dùng thân Phạm vương mới có thể hóa độ, liền hiện thân Phạm vương thuyết pháp. Nếu phải dùng thân Đế-thích mới có thể hóa độ, liền hiện thân Đế-thích thuyết pháp. Nếu phải dùng thân Tự tại thiên mới có thể hóa độ, liền hiện thân Tự tại thiên thuyết pháp. Nếu phải dùng thân Đại tự tại thiên mới có thể hóa độ, liền hiện thân Đại tự tại thiên thuyết pháp. Nếu phải dùng thân Thiên đại tướng quân mới có thể hóa độ, liền hiện thân Thiên đại tướng quân thuyết pháp. Nếu phải dùng thân Tỳ-sa-môn mới có thể hóa độ, liền hiện thân Tỳ-sa-môn thuyết pháp.”

Phần chú giải quý vị tự xem, ở đây tôi chỉ nói đại ý. Căn tánh chúng sanh không giống nhau, chí hướng không đồng. Ví dụ có người phát tâm xuất gia, nghĩ rằng “tôi muốn thành Phật, muốn thành Bồ Tát, muốn làm Tổ sư...” không giống nhau. Có người xuất gia, nghĩ rằng “tôi muốn làm Pháp sư, hoằng pháp lợi sanh”; có người xuất gia, phát tâm “tôi muốn làm Phật sự, tôi sẽ làm trụ trì, làm tri sự, tôi hộ trì Phật pháp”. Trụ trì, tri sự là hộ trì Phật pháp, giống như ở trường học vậy, họ phát tâm làm hiệu trưởng, làm tổng vụ trưởng, để làm việc. Người phát tâm làm pháp sư là làm giáo viên, dạy học, chỉ dạy một môn học, trong Phật pháp gọi là A-xà-lê. Người làm hiệu trưởng là Hòa thượng, đây là tôn quý nhất. Hòa thượng có thể không cần giảng kinh, không cần thuyết pháp, nhưng vị Hòa thượng thì tất cả khóa trình do ngài sắp xếp, giáo viên do ngài thỉnh, giống như hiệu trưởng trường học vậy. Chủ trì giáo hóa là ngài, bản thân ngài có thể không lên lớp, nhưng ngài biết cách giáo hóa như thế nào, làm sao bồi dưỡng học sinh. Ngài có một kế hoạch giáo dục, thỉnh những học giả, chuyên gia ưu tú đến thay ngài thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, thành bại của giáo dục, công đức là của hiệu trưởng, không phải của giáo viên, giáo viên chỉ thay ngài thực hiện nhiệm vụ, đảm nhận một môn học. Các vị phải hiểu ý nghĩa này.

Vì vậy, Tổ sư, Tông sư gọi là Hòa thượng, pháp sư là giáo viên. Nếu chúng ta phát tâm làm giáo viên, thừa quý vị, nhất định sẽ thành tựu. Quý vị học một môn thì sao không thành tựu? Quý vị phát tâm làm trụ trì, không dễ dàng, trụ trì là Hòa thượng, không dễ dàng. Đừng cho rằng hiện nay có một tự viện, tôi lên núi liền làm trụ trì, không đơn giản như vậy. Trách nhiệm của trụ trì là phải giáo hóa một phương, bằng như không có sự giáo hóa, vừa lên núi ngồi lên ghế trụ trì, cái ghế đó là gì? Đó là núi đao vạc dầu của địa ngục A-tỳ, vừa ngồi xuống là xong, thảm hơn bất cứ thứ gì! Giống như hiệu trưởng trường học vậy, trường học

này thỉnh một vị hiệu trưởng, các vị nhậm chức. Kết quả không tổ chức giáo dục, không thỉnh giáo viên, không chăm sóc học sinh, vài ngày sau sẽ kết án, đưa các vị vào tù, kết án vài năm tù, cùng một ý nghĩa. Vì vậy, trách nhiệm của trụ trì rất lớn, đầu óc phải có một hệ thống ý tưởng, làm sao để Phật pháp hồng dương, rộng lớn sáng tỏ? Làm sao lãnh đạo đại chúng tu hành? Ngài phải thỉnh mời nhân tài. Giáo viên dễ làm, hiệu trưởng khó làm, công tội là của hiệu trưởng, không phải của giáo viên.

Trong thế gian có một số người không thích xuất gia, ví dụ hiện nay thời kỳ bầu cử, có nhiều người tranh cử huyện trưởng, thị trưởng, họ có hứng thú với chính trị, họ thích làm việc này. Tranh cử nghị viên, làm ủy viên lập pháp, họ có hứng thú với những việc này. Vì vậy, sở thích của chúng sanh có nhiều mặt, mỗi người đều không giống nhau. Bồ Tát thật sự từ bi, các vị có sở thích gì, Ngài đều có thể giúp đỡ các vị, đều có thể thỏa mãn nguyện vọng của các vị. Có thể thấy, học Phật không phải dạy mọi người đều xuất gia, Bồ Tát Quán Thế Âm không khuyên mọi người đều xuất gia, không khuyên mỗi người đi làm pháp sư, làm Hòa thượng, không có. Các vị muốn làm gì, giúp các vị thành tựu làm việc đó. Những người này chí hướng có thể lớn, họ đối với vua chúa nhân gian không có hứng thú, họ muốn lên trời làm Thiên vương, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng có thể giúp được.

“Phạm vương” chính là Đại phạm Thiên vương, là thiên chủ cõi trời Phạm thiên. Phạm thiên là tầng trời thứ nhất trong Sắc giới. Tầng thứ nhất của Sắc giới gọi là Phạm thiên, thứ hai gọi là Quang thiên, thứ ba gọi là Tịnh thiên, thứ tư gọi là Phước thiên, đây là Tứ thiên thiên. Ngài nhất định giúp họ tu thiên định, dạy họ tu Tứ thiên bát định, dạy họ tu Tứ vô lượng tâm, mới có thể thật sự thỏa mãn nguyện vọng của họ, lên cõi trời Đại phạm làm Thiên chủ. Lúc này nếu Bồ Tát thị hiện thân phận Bồ Tát, người này cũng không tin. Ông là người xuất gia, sao ông biết chính trị, sao ông biết lên trời làm Thiên vương? Ông không biết việc này. Thế là Ngài cũng hiện thành Đại Phạm Thiên Vương, “tôi hiện nay là Đại Phạm Thiên Vương, ông muốn làm Đại Phạm Thiên Vương, tôi dạy cho”. Họ liền tin, đó là hiện thân đồng loại.

Đế thích thiên chính là chủ trời Đạo Lợi, người Trung Quốc gọi ngài là Ngọc hoàng Đại đế. Người này cũng có chí lớn, muốn lên trời làm Ngọc hoàng Đại đế, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng có thể giúp họ. Trời Đạo Lợi rất nhiều, không chỉ một, các vị nếu đọc kinh Phật sẽ biết. Vì vậy, Ngọc hoàng Đại đế rất nhiều, không phải một người. Trong thế giới Ta-bà của chúng ta, tổng cộng có một trăm ức trời

Đao Lợi. Nói cách khác, Ngọc hoàng Đại đế có bao nhiêu vị? Có một trăm ức. Vì vậy, nếu các vị chỉ tìm chủ trời Đao Lợi, tìm Ngọc hoàng Đại đế, người ta sẽ hỏi các vị, các vị tìm Ngọc hoàng Đại đế nào? Ngọc hoàng Đại đế rất nhiều, các vị tìm vị nào? Một trăm ức. Vì vậy, số lượng này rất khổng lồ. Nếu các vị có nguyện vọng này, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng có thể giúp các vị, nói cho các vị Thập thiện thượng phẩm, Thập thiện nghiệp đạo sanh thiên. Dạy các vị phương pháp thống lãnh chư thiên, làm sao giáo hóa thiên nhân, làm một minh chủ thông minh, trí tuệ trên trời, làm Thiên chủ.

“Nếu phải dùng thân Tụ Tại Thiên”, Tụ Tại Thiên là tầng trời thứ sáu của Dục giới, tức là Tha Hóa Tụ Tại Thiên. Là sự tụ tại về dục, họ hưởng thụ tất cả, đều do năm tầng trời dưới cung cấp, nên gọi là Tha hóa Tụ tại thiên. Sự hưởng thụ của họ tiêu dao tụ tại, trong Dục giới phước báo của họ lớn nhất. Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân đồng loại, vì họ nói pháp Thập thiện thượng phẩm, thành tựu phước báo của Tụ Tại Thiên.

“Đại Tụ Tại Thiên” chính là trời Ma-hê-thủ-la, là trời Sắc Cứu Cánh, tức là đỉnh của Tứ thiên thiên, gọi là Đại Tụ Tại Thiên. Tụ Tại Thiên là tầng cao nhất của Dục giới, Đại Tụ Tại Thiên là tầng cao nhất của Sắc giới. Bồ Tát thị hiện thân phận Ma-hê-thủ-la Thiên vương vì họ thuyết pháp, vì họ giảng tứ thiên bát định. Tu Tứ vô lượng tâm đến viên mãn, quả báo ở thế gian là thù thắng nhất, thế gian này là nói ba cõi, trong ba cõi không gì sánh bằng được quả báo làm Đại Tụ Tại Thiên chủ.

“Thiên Đại Tướng Quân”, cũng có một loại người có chí nguyện này. Ví dụ có một số thanh niên thấy quân nhân rất có hứng thú, họ có nguyện vọng tương lai làm sĩ quan, làm tướng lĩnh. Thấy các đại tướng rất oai phong, võ vũ, thống lãnh rất nhiều quân đội, họ rất có hứng thú với việc này. Các vị có hứng thú với phương diện này, Bồ Tát liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân để dạy dỗ các vị, cũng giống như dạy các vị binh pháp, dạy các vị làm sao thống lãnh những quân đội đó. Thiên Đại Tướng Quân là trừ yêu giáng phước, bảo vệ quốc thổ thế gian, thưởng thiện phạt ác, là loại này. Thiên Đại Tướng Quân lấy Bồ Tát Vi Đà làm đại diện. Sự thị hiện của Bồ Tát Vi Đà, chính là thân Thiên Đại Tướng Quân. Trong kinh nói cho chúng ta, Tứ Đại Thiên Vương, mỗi vị Thiên Vương đều có hai vị đại tướng. Vì vậy, Tứ Thiên Vương tổng cộng có tám vị đại tướng, thượng thủ là Vi Đà.

Còn có người phát tâm làm Thiên Vương. Thiên Vương là thống lãnh quỷ thần. “Phải dùng thân Tỳ-sa-môn”, Tỳ-sa-môn chính là một trong Tứ Thiên Vương, là Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương, quả thật có những người này. Thường giao tiếp với quỷ thần, ví dụ một số ngoại đạo sai khiến quỷ thần, như những người cầu cơ, họ thường giao tiếp với quỷ thần. Nhưng họ không hiểu ý nghĩa này, họ giao tiếp với quỷ thần, tất cả đều nghe theo quỷ thần, quỷ thần bảo họ làm sao họ làm vậy, họ là thuộc hạ của quỷ thần, chí hướng của họ không lớn. Nếu họ phát đại tâm, nhiều quỷ thần như vậy có nhiều sức mạnh như vậy, tôi đi làm thủ lĩnh của họ, tôi quản lý họ. Nếu quý vị phát tâm này, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng có thể giúp quý vị, cho quý vị làm Tứ Thiên Vương, quý vị thống lãnh quỷ thần, làm đại thủ lĩnh trong quỷ thần, khiến tất cả quỷ thần nghe theo các vị, không phải các vị nghe theo họ. Có thể vì quý vị nói pháp môn thống lãnh quỷ thần, khiến quý vị trong đó tu phước đức này. Tứ Thiên Vương là đại quỷ vương có phước đức lớn, đối trên có thể hầu hạ Ngọc Hoàng Đại Đế, đối dưới thống lãnh tất cả quỷ thần, đây là Tứ Thiên Vương. Họ là hộ pháp trong Phật môn, hộ trì quốc thổ chúng sanh. Bồ Tát Quán Thế Âm cũng có năng lực này, thị hiện thân đồng loại, giúp quý vị thành tựu.

Đoạn kinh văn này cho chúng ta rất nhiều sự khai thị, Phật môn rộng lớn vô biên, tuyệt đối không phải dùng một phương pháp để giáo hóa tất cả chúng sanh, đây là điều chúng ta phải ghi nhớ.

Hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.